

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 23/10/2022**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Xuân Chung	Nam	02/01/1989	Nghệ An	6.3	7.0	1459/QĐ375/2022	TH004259	
2	Nguyễn Thị Diệp	Nữ	04/8/1995	Nghệ An	6.3	7.0	1460/QĐ375/2022	TH004260	
3	Phạm Thị Giang	Nữ	29/3/1993	Nghệ An	6.7	7.0	1461/QĐ375/2022	TH004261	
4	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	29/7/1990	Nghệ An	6.3	7.5	1462/QĐ375/2022	TH004262	
5	Ngô Thị Hiền	Nữ	06/06/1998	Hà Tĩnh	6.7	8.0	1463/QĐ375/2022	TH004263	
6	Nguyễn Minh Hồng	Nam	30/06/1992	Hà Tĩnh	7.0	8.0	1464/QĐ375/2022	TH004264	
7	Tạ Phúc Hưng	Nam	19/10/1987	Nghệ An	5.7	7.5	1465/QĐ375/2022	TH004265	
8	Võ Bá Khánh	Nam	12/12/1994	Nghệ An	5.7	6.0	1466/QĐ375/2022	TH004266	
9	Lang Thị Kiều	Nữ	26/6/2000	Nghệ An	6.3	7.5	1467/QĐ375/2022	TH004267	
10	Trần Thị Ly	Nữ	29/08/1999	Hà Nam	5.7	7.5	1468/QĐ375/2022	TH004268	
11	Nguyễn Lê Anh Nam	Nam	01/10/2000	Nghệ An	6.7	6.5	1469/QĐ375/2022	TH004269	
12	Nguyễn Cẩm Nhung	Nữ	02/01/1998	Nghệ An	7.7	9.0	1470/QĐ375/2022	TH004270	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
13	Phan Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	09/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	6.3	6.0	1471/QĐ375/2022	TH004271	
14	Phạm Đức Tài	Nam	13/04/1998	Nghệ An	7.3	7.5	1472/QĐ375/2022	TH004272	
15	Hồ Thị Thanh	Nữ	06/5/1994	Nghệ An	6.7	6.5	1473/QĐ375/2022	TH004273	
16	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	28/7/1999	Nghệ An	7.0	6.5	1474/QĐ375/2022	TH004274	
17	Đặng Thị Thương	Nữ	18/5/1990	Nghệ An	6.3	5.5	1475/QĐ375/2022	TH004275	
18	Phạm Thu Thủy	Nữ	01/03/1998	Nghệ An	6.7	9.0	1476/QĐ375/2022	TH004276	
19	Lê Công Toại	Nam	12/6/1978	Nghệ An	5.7	5.0	1477/QĐ375/2022	TH004277	
20	Trần Huyền Trang	Nữ	12/02/1993	Nghệ An	6.7	6.5	1478/QĐ375/2022	TH004278	
21	Lê Thị Hà Trang	Nữ	10/01/1998	Hà Tĩnh	6.7	6.0	1479/QĐ375/2022	TH004279	
22	Trần Ngọc Tú	Nam	21/3/1992	Hà Tĩnh	6.7	6.0	1480/QĐ375/2022	TH004280	
23	Võ Quốc Vương	Nam	31/07/2000	Nghệ An	6.7	5.0	1481/QĐ375/2022	TH004281	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

